

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 196/2020/DS -ST

Ngày: 03/12/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng khoán việc*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN-TỈNH BÌNH ĐỊNH

****/- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Minh Hòa

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Cao Thị Chính

Bà Đoàn Thị Thùy Châu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Nương

Thư ký Tòa án nhân dân TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Quy Nhơn tham gia phiên tòa:*

Bà Nguyễn Hồng Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 45/2020/TLST - DS ngày 04 tháng 5 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng khoán việc*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 146/2020/QĐST-DS ngày 05 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Hồ Văn T, sinh năm: 1982; Địa chỉ: Thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt)

Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S; Người đại diện theo pháp luật: bà Phạm Thụy Kiều T - Giám đốc; Địa chỉ: Lô số 5,6,7 đường L, TP. Q, tỉnh Bình Định (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2020 và các lời khai trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Hồ Văn T trình bày: Ngày 29/5/2018 giữa anh (bên nhận thầu: bên B) và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S (bên giao thầu: bên A) có ký kết hợp đồng khoán việc. Nội dung hợp đồng : hai bên thỏa thuận bên B thực hiện công việc xây, tô đối với công trình khách sạn Trung tâm tiệc cưới K tại địa chỉ 50A đường T, phường L, TP. Q, tỉnh Bình Định. Nội dung công việc cụ thể về yêu cầu kỹ thuật, thời gian, địa điểm thực hiện hợp đồng, giá trị hợp đồng và hình thức thanh toán, quyền và nghĩa vụ của các bên được hai bên thỏa thuận chi tiết trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng anh đã thực hiện đúng nội dung đã ký kết.

Ngày 05/11/2019 giữa anh và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S do bà Nguyễn Thị Ngân S - Giám đốc đã tiến hành đối chiếu công nợ và thống nhất Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S còn nợ anh số tiền 369.397.908 đồng. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S do bà S - Giám đốc cam kết đến ngày 31/12/2019 sẽ thanh toán số tiền còn nợ. Đến ngày 19/01/2020 bà S lại tiếp tục viết giấy hẹn đến ngày 23/3/2020 sẽ thanh toán số tiền 369.397.908 đồng và lãi suất như đã thỏa thuận nhưng từ lúc đối chiếu công nợ cho đến nay Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S vẫn chưa thanh toán số tiền nói trên cho anh.

Theo hợp đồng bên B là đội thi công phần xây tô (mẫu hợp đồng do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S soạn thảo) nhưng thực chất chỉ có anh đứng ra ký hợp đồng với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S. Nay anh yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S phải trả cho anh số tiền 369.397.908 đồng và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất 1.125%/tháng tính từ ngày 24/3/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn Công ty cổ phần đầu tư xây dựng thương mại dịch vụ S do bà Phạm Thụy Kiều T- giám đốc đại diện: đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà T không đến Tòa làm việc.

* Ý kiến của đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn:

Về tuân theo pháp luật tố tụng: từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng các trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn thực hiện đúng quy định, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70,72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S thanh toán khoản tiền còn nợ 369.397.908 đồng và tiền lãi từ ngày 24/3/2020 cho đến khi xét xử là có căn cứ

pháp luật phù hợp với quy định tại các Điều 385, 410, 468 Bộ luật dân sự và Điều 141 luật xây dựng , đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Anh Hồ Văn T có đơn khởi kiện đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S đòi thanh toán số tiền còn nợ phát sinh từ hợp đồng khoán việc. Căn cứ vào các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn. Xét thấy, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S do bà Phạm Thụy Kiều T đại diện theo pháp luật đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa anh Hồ Văn T và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S có ký hợp đồng khoán việc HĐKV-SS 2018 với nội dung: Công ty CPĐT- TMDV S giao anh T nhận thi công phần xây, tô đối với công trình khách sạn Trung tâm tiệc cưới K tại địa chỉ 50A đường T, phường L, TP. Q, tỉnh Bình Định. Quá trình thực hiện hợp đồng anh T đã hoàn thành đúng các nội dung đã thỏa thuận, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S còn nợ anh T số tiền 369.397.908 đồng nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán.

Giai đoạn ký kết hợp đồng khoán việc chị Nguyễn Thị Thu S là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S (theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4101445919 đăng ký thay đổi ngày 02/8/2017). Tại bản khai ngày 18/8/2020 chị S thừa nhận: ngày 29/5/2018 giữa Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S do chị đại diện và anh Hồ Văn T có ký kết hợp đồng khoán việc, nội dung hợp đồng như anh T trình bày, Công ty đã thanh toán cho anh T đến ngày 15/11/2019, số tiền còn nợ lại 369.397.908 đồng cho đến nay Công ty vẫn chưa thanh toán vì dịch bệnh covid, đồng thời cũng xác nhận công ty chỉ giao dịch và ký hợp đồng với anh Hồ Văn T (Hợp đồng ghi đội thi công là do mẫu) chứ không có đội thi công hoặc bất cứ ai khác.

[4] Xét hợp đồng khoán việc HĐKV-SS 2018 ngày 29/5/2018 được các bên thừa nhận cùng tham gia ký kết, hình thức và nội dung thỏa thuận trong hợp đồng không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận hợp pháp. Do Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S vi phạm nghĩa vụ

thanh toán theo hợp đồng nên anh T khởi kiện yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S trả nợ gốc và lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật

[5] Về tiền lãi chậm trả: Tại Điều 9 của hợp đồng hai bên thỏa thuận lãi suất như sau “... trường hợp bên A thanh toán chậm sau khi nhận đủ hồ sơ thanh toán của bên B, thì bên A sẽ bị phạt nghĩa vụ thanh toán áp dụng lãi suất tính dụng quá hạn của ngân hàng tính từ ngày hết hạn thanh toán trên...” Anh T yêu cầu Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S phải trả tiền lãi theo mức lãi suất 1,125%/tháng không vượt quá mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự và phù hợp với nội dung thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng nên được HĐXX chấp nhận. Lãi suất được tính cụ thể như sau: số tiền còn nợ 369.397.908 đồng tính từ ngày chậm thanh toán 24/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 03/12/2020 (8 tháng 9 ngày) là:

$369.397.908 \text{ đồng} \times 1,125\% \times 8 \text{ tháng } 9 \text{ ngày} = 34.492.528 \text{ đồng}$

Như vậy, cần buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S phải có nghĩa vụ trả cho anh Tùng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm là: 403.890.436 đồng (trong đó nợ gốc: 369.397.908 đồng, nợ lãi chậm trả: 34.492.528 đồng).

[6] Ý kiến của đại diện viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí. Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 410, 357, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 141, 144 Luật Xây dựng; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hồ Văn T. Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hồ Văn T số tiền 403.890.436 đồng (trong đó nợ gốc: 369.397.908 đồng và lãi chậm thanh toán: 34.492.528 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi án còn phải chịu khoản tiền

lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng - thương mại dịch vụ S phải chịu 20.155.500 đồng (Hai mươi triệu, một trăm năm mươi lăm ngàn, năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Hồ Văn T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.235.000 đồng (Chín triệu, hai trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007792 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Quy Nhơn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định ;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.

Trần Thị Minh Hòa

